TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Pc**

Bản án số: 26/2022/HN-ST
Ngày: 23-02-2022
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- Các *Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trương V Te

2. Bà Võ Thị Thanh Thủy

- **Thư ký phiên Tòa**: bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa**: bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 23/02/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2021 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HN ngày 09/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Tố Q, sinh năm 1987; địa chỉ: số 1182, ấp 4, xã L, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. Bị đơn: anh Chung Thiện V, sinh năm 1985; địa chỉ: số 406 ấp 2, xã P, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hồ Thị Tố Q trình bày:

Chị và anh V tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Hòa (G – B) vào ngày 06/12/2008. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, hai bên chung sống hạnh Pc. Đến năm 2015, do anh V có quan hệ bất chính với người khác nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai đều không có thiện chí hàn gắn. Do hai bên không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh V. Con chung: Chung Hồ Gia P sinh ngày 23/10/2015 hiện ở với chị và Chung Hồ Bảo N sinh ngày 15/10/2009 hiện ở với anh V. Khi ly hôn,

chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Chung Hồ Gia P và đồng ý giao anh V trực tiếp nuôi dưỡng Chung Hồ Bảo N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không có.

** Trong quá trình tố tụng, anh Chung Thiện V trình bày:*

Anh và chị Q tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Hòa (G – B) vào ngày 06/12/2008. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, hai bên chung sống hạnh Pc. Đến năm 2015, do hai bên bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai đều không có thiện chí hòa giải. Do hai bên không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và không có khả năng hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị Q. Con chung: Chung Hồ Gia P sinh ngày 23/10/2015 hiện ở với chị Q và Chung Hồ Bảo N sinh ngày 15/10/2009 hiện ở với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Chung Hồ Bảo N và đồng ý giao chị Q trực tiếp nuôi dưỡng Chung Hồ Gia P, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

** Tại phiên tòa:*

Chị Hồ Thị Tố Q, anh Chung Thiện V vắng mặt có đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (ghi tắt là BLTTDS) và các V bản quy phạm pháp luật có liên quan như: thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 35 BLTTDS và các V bản quy phạm pháp luật có liên quan; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý đúng và đầy đủ theo quy định tại các điều 195, 196 BLTTDS và các V bản quy phạm pháp luật có liên quan; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đúng theo quy định tại Điều 28 BLTTDS và các V bản quy phạm pháp luật có liên quan; xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 68 BLTTDS và các V bản quy phạm pháp luật có liên quan; xác minh, thu thập chứng cứ đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 97 BLTTDS và các V bản quy phạm pháp luật có liên quan; mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các điều 209, 210, 211 BLTTDS và các V bản quy phạm pháp luật có liên quan; Thẩm phán quyết định đưa vụ án ra xét xử, giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định tại Điều 220 BLTTDS và các V bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 BLTTDS và các V bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng, đầy đủ quy định tại Điều 237 BLTTDS và các V bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 BLTTDS và các V bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: về hôn nhân, đời sống vợ chồng của chị Q và anh V phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cả hai đều thừa nhận quá trình chung sống nảy sinh mâu

thuẫn và không thể hàn gắn tình cảm, hai người ly thân đã lâu, không còn sống chung, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Q yêu cầu được ly hôn với anh V là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, chị Q và anh V đều thống nhất với nhau về việc nuôi con chung là mỗi người sẽ nuôi một cháu, anh V nuôi cháu Chung Hồ Bảo N sinh ngày 15/10/2009, chị Q nuôi cháu Chung Hồ Gia P sinh ngày 23/10/2015. Mặt khác, cháu N đã trên 07 tuổi, hiện đang sống với anh V và có nguyện vọng được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Cháu P chưa đủ 07 tuổi và cũng đang sống với chị Q. Vì vậy, để không làm ảnh hưởng đến tinh thần và xáo trộn cuộc sống hiện tại của hai cháu nên thấy cần để anh V là người trực tiếp, tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, chị Q là người trực tiếp, tiếp tục nuôi dưỡng cháu P đến khi hai cháu thành niên. Ghi nhận chị Q, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: cả hai trình bày không có. Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q, cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị Hồ Thị Tố Q được ly hôn với anh Chung Thiện V;

+ Về con chung: anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Chung Hồ Bảo N sinh ngày 15/10/2009, chị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Chung Hồ Gia P sinh ngày 23/10/2015 đến khi hai cháu thành niên. Ghi nhận chị Q, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Q, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: cả hai trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: do chị Q và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã Lương Hòa (G – B) vào ngày 06/12/2008 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh Pc và ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai đều không có thiện chí hoà giải nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình tố tụng, chị Q xác định hai bên không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn

và giữ nguyên yêu cầu ly hôn; anh V cũng xác định hai bên không thể hoà giải và đồng ý ly hôn với chị Q. Điều này thể hiện tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chung Hồ Bảo N sinh ngày 15/10/2009 và Chung Hồ Gia P sinh ngày 23/10/2015. Xét thấy, từ khi chị Q và anh V sống ly thân đến nay, cháu P ở với chị Q, cháu N ở với anh V, cuộc sống đã ổn định; trong quá trình tố tụng, cháu N cũng có nguyện vọng ở với cha. Do đó, xét yêu cầu trực tiếp nuôi cháu P của chị Q, yêu cầu trực tiếp nuôi cháu N của anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị Q, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: cả hai trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Q phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Tố Q được ly hôn với anh Chung Thiện V.

2/- Con chung: Chung Hồ Bảo N sinh ngày 15/10/2009 và Chung Hồ Gia P sinh ngày 23/10/2015.

Giao Chung Hồ Gia P sinh ngày 23/10/2015 cho chị Hồ Thị Tố Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao Chung Hồ Bảo N sinh ngày 15/10/2009 cho anh Chung Thiện V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị Q, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N; anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu P; không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá

nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: cả hai trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Hồ Thị Tố Q phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002235 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị Q đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã Lương Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đặng Thị N Duyên